

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 7 - 2020
V/v Ly hôn giữa Chị Q và anh T .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải, ông Vũ Đình Phúc.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 06/7/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Q - Sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Thôn A , xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Vũ Đình T – Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn A , xã Y, huyện Y, tỉnh N.

(Chị Q xin vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 13/02/2020, bản tự khai ngày 21/02/2020, nguyên đơn Chị Vũ Thị Q trình bày:

Chị và Anh Vũ Đình T kết hôn với nhau năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi có con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên đánh, cãi, chửi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên gia đình chị và anh T có can thiệp nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Chị và anh T đã sống ly thân từ ngày 13/01/2018 đến nay, chị và anh T chấm dứt mọi quan hệ, không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh T .

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Vũ Anh T, sinh ngày 21/01/2016. Chị đề nghị anh T nuôi con chung và chị sẽ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Vũ Đình T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến Tòa án làm việc do đó không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được. Chị Q có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Ngày 08/5/2020, Tòa án tiến hành làm việc trực tiếp với anh Vũ Đình T1 - là anh trai của anh Vũ Đình T, sống cùng địa chỉ với anh T, anh T1 cho biết:

Anh xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn của anh T, Chị Q như Chị Q trình bày. Theo anh, sau khi kết hôn, chị Q, anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh T, Chị Q bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, Chị Q ngoại tình với người đàn ông khác. Gia đình anh có vun đắp tình cảm cho anh T, Chị Q nhưng không thành, mâu thuẫn của anh chị càng trở nên trầm trọng. Anh T, Chị Q sống ly thân đã khoảng 02 năm nay. Chị Q xin ly hôn, quan điểm của gia đình anh là để tự anh T giải quyết. Gia đình anh và anh T đã nhận được các giấy tờ của Tòa án gửi cho anh T nhưng vì bận việc nên anh T không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với Chị Q được.

Về con chung: Anh T1 cho biết anh T, Chị Q có 01 con chung là Vũ Anh T, sinh ngày 21/01/2016, hiện đang ở với anh T. Anh T1 nắm được quan điểm của anh T có nguyện vọng được nuôi cháu T, không yêu cầu Chị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân của anh T, chị Q: Anh T1 không nắm được.

3. Tại biên bản làm việc tại địa phương ngày 08-5-2020 để thu thập chứng cứ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng chị Vũ Thị Q, anh Vũ Đình T, đại diện chính quyền địa phương cung cấp:

Vợ chồng Chị Vũ Thị Q và Anh Vũ Đình T có HKTT tại xã Y, huyện Y, tỉnh N, anh chị kết hôn với nhau năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến khi có con chung thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, có việc xảy ra cãi vã to tiếng. Hai bên gia đình anh chị có vun vén nhưng chị Q, anh T vẫn không thể hàn gắn. Địa phương nhận định mâu thuẫn của chị Q, anh T đã vô cùng trầm trọng, khả năng hàn gắn là rất khó khăn. Về con chung: Chị Q, anh T có 01 con chung là Vũ Anh T, sinh ngày 21/01/2016. Cháu T hiện đang ở với bố ở thôn A. Nay Chị Q xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử lý hôn giữa Chị Vũ Thị Q và anh Vũ Đình T ; Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Vũ Anh T, sinh ngày 21/01/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; Chấp nhận sự tự nguyện của Chị Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T ; Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Vũ Đình T có hộ khẩu thường trú tại Thôn A , xã Y, huyện Y, tỉnh N. Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị Vũ Thị Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên là phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án Chị Vũ Thị Q có đề nghị xin xét xử vắng mặt; Anh Vũ Đình T mặc dù đã được Toà án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Q và Anh Vũ Đình T kết hôn với nhau năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi bắt đầu có con chung thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên gia đình có can thiệp, hàn gắn cho anh chị nhưng không có kết quả. Chị Q, anh T đã sống ly thân 02 năm nay. Chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T . Anh T mặc dù biết được việc Chị Q xin ly hôn nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để giải quyết, điều này thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Q, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn

cứ chấp nhận yêu cầu của chị Q, xử cho Chị Q và anh T ly hôn là phù hợp với quy định theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Q, anh T có 01 con chung là Vũ Anh T, sinh ngày 21/01/2016. Cháu T hiện đang được bố Vũ Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Q đề nghị anh T nuôi con chung và chi cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Anh T cũng có nguyện vọng nuôi con.

Xét thấy cần chấp nhận sự tự nguyện của Chị Q giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; đồng thời chấp nhận nguyện vọng của Chị Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T, HĐXX xét thấy mức chi phí hợp lý để Chị Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T là 700.000 đồng/ tháng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa Chị Vũ Thị Q và anh Vũ Đình T .

2. Giao con chung Vũ Anh T, sinh ngày 21/01/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) kể từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung trưởng thành, tự lập được.

Chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí:

Án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Q phải nộp 300.000 đồng.

Án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q phải nộp 300.000 đồng.

Đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001336, ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định Chị Q còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Chị Q, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Ý Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên;
- UBND xã Y;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Minh Tâm